TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 21, 20/05 – 24/05/2024

"Xuất hiện nhiều tín hiệu kém khả quan"

Tiêu điểm:

- NHNN đồng loạt tăng lãi suất OMO và tín phiếu lần lượt lên 4.5% và 4% phiên 22/5.
- Theo các nguồn thạo tin trên thị trường liên ngân hàng, từ ngày 22/4 đến cuối phiên hôm qua, lượng ngoại tệ mà NHNN đã bán cho các ngân hàng thương mại đã vượt 3.5 tỷ USD.
- S&P Global cho biết, chỉ số PMI tổng hợp của Mỹ theo dõi các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ đã tăng lên 54.4 trong tháng này, mức cao nhất kể từ tháng 4.2022

Đánh giá: Bối cảnh vĩ mô đang xuất hiện nhiều tín hiệu kém khả quan. Để giảm áp lực lên tỷ giá và dự trữ ngoại hối, NHNN đã liên tục tăng lãi suất OMO và tín phiếu, kéo theo lãi suất liên ngân hàng tất cả các kỳ hạn cũng đã vượt mức 5% trong phiên giao dịch 23/05. Điều này cho thấy đồng VND đã không còn rẻ và đã xuất hiện dấu hiệu thiếu hụt thanh khoản trên thị trường 2. Điều này sẽ dẫn đến áp lực tăng lãi suất trên thị trường tiền gửi dân cư; minh chứng là đầu tháng 5 này cũng đã có nhiều ngân hàng rục rịch tăng lãi suất tiết kiệm khoảng 0.2-0.3%/năm. Chúng tôi kì vọng lãi suất điều hành khả năng cao sẽ tiếp tục tăng và áp lực bán ngoại tệ của NHNN vẫn còn tiếp diễn trong tuần tới sẽ khiến thị trường đi lên khó khăn hơn nhiều.

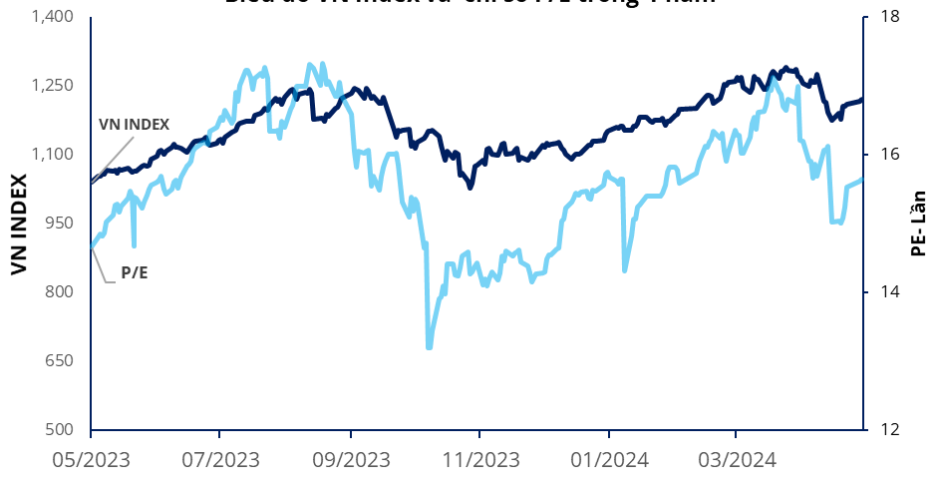
Góc nhìn kĩ thuật: Trên đồ thị tuần, thị trường xuất hiện tuần giảm đầu tiên sau chuỗi tăng 4 tuần liên tục. VNINDEX đóng cửa tại 1,261 (-11 điểm, -0.88%). Ngưỡng hỗ trợ và kháng cự tương ứng là 1,250 – 1,290. Với kịch bản cơ sở: thị trường sẽ giao động trong 1,250-1,270 trong tuần sau.

Ý tưởng đầu tư: Các nhà đầu tư - giao dịch ngắn hạn nên hạ tỉ trọng các cổ phiếu trong danh mục và canh bán tại mức giá đã đề ra trước đó. Nếu VNINDEX vi phạm ngưỡng hỗ trợ trên cùng với nhiều tin vĩ mô xấu, nhà đầu tư nên bán hết cổ phiếu để bảo toàn tài sản.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,262	-0.9	4.7	4.1	11.7		16.0	1.8	205
Upcom Index	94	1.4	6.8	4.7	8.5		12.6	1.3	58
HNX Index	242	0.1	6.1	4.6	4.6		20.4	1.3	12
VN30 Index	1,283	-2.0	4.2	4.9	13.4		12.6	1.7	142
S&P 500 Index	5,268	-0.7	3.9	3.5	10.4		24.6	4.8	45,944
STOXX Europe 600 Index	519	-0.7	2.7	4.4	8.4		15.7	2.1	14,958
Hang Seng	18,609	-4.8	8.2	11.3	9.2		10.6	1.1	2,833
Nikkei 225	38,646	-0.4	0.5	-1.2	15.5		26.9	2.1	4,558
SHCOMP Index	3,089	-2.1	1.4	2.8	3.8		13.9	1.3	6,589
STI Index	3,317	0.1	0.7	4.1	2.4		12.2	1.1	372
KOSPI Index	2,688	-1.4	0.4	0.7	1.2		17.5	1.0	1,567

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
(84-28) 6299 7603
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-1.1	4.4	12.8	34.4	39.9	7.9	76.1	-1.8	13.8	1.7	4,534,047
Mid Cap	0.7	8.0	16.3	50.3	81.4	36.3	22.7	1.9	20.2	1.3	541,422
Small Cap	0.5	3.7	-2.4	29.4	56.1	24.2	1.2	-0.1	419.4	0.7	66,153

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Bảo hiểm	9.4	12.8	13.8	470.9	381.2	221.8	0.4	0.3	14.6	1.4	46,393
Dầu khí	5.1	13.2	17.0	36.8	69.7	32.6	1.5	0.0	21.2	2.3	69,716
Tiện ích	2.5	5.7	5.4	83.4	89.8	54.9	1.7	0.4	19.9	1.9	313,375
Hóa chất	1.9	14.1	42.0	41.2	52.1	37.2	5.9	0.1	28.6	2.1	252,410
Du lịch và Giải trí	1.0	18.3	29.0	-4.1	-2.7	47.9	1.1	-0.5	n.a	12.8	124,499
Dược và Y tế	0.9	2.2	8.3	29.5	61.3	59.4	0.2	0.0	15.5	2.0	37,301
Bán lẻ	0.5	12.9	38.0	-4.1	-12.2	-4.6	4.0	-1.7	88.6	3.6	128,456
Tài nguyên cơ bản	0.5	9.7	11.4	39.0	59.4	25.7	7.6	0.1	22.8	1.6	234,230
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-0.2	8.3	22.1	33.2	49.0	32.8	7.2	-0.3	15.4	1.5	159,064
Ô tô & Phụ tùng	-0.6	8.0	14.0	33.0	66.5	60.9	0.7	0.0	17.2	1.2	16,662
Xây dựng và vật liệu	-0.8	5.1	4.3	57.2	69.7	0.6	5.0	0.6	20.5	1.3	132,475
Thực phẩm và đồ uống	-1.1	6.9	2.4	27.5	52.3	33.1	10.4	-0.9	22.7	2.3	436,710
Truyền thông	-1.1	2.5	-21.4	5.7	41.8	0.6	0.1	0.0	22.9	0.9	1,682
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.3	3.9	15.7	71.7	87.8	70.6	2.2	0.4	15.4	1.9	61,722
Bất động sản	-1.5	4.7	0.2	50.9	56.4	0.3	16.0	1.4	6.9	1.1	735,216
Ngân hàng	-2.0	0.4	15.2	25.7	37.9	4.1	18.0	-1.8	9.7	1.5	1,980,589
Công nghệ Thông tin	-2.0	11.2	35.9	45.6	50.2	98.0	4.0	0.2	25.8	4.3	186,613
Tài chính	-2.6	4.8	13.6	55.8	63.8	-0.7	14.1	1.6	19.7	1.6	205,885

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,257**	-24.8	-30.9	-196.5	-337.3
Nước ngoài	**2,324**	-19.0	8.6	-91.0	-95.4
VanEck Vectors Vietnam ETF	528	0.0	0.0	0.0	70.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	810	-27.9	-15.0	-52.0	20.2
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	426	0.0	0.0	-25.1	-212.5
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	325	-5.8	8.9	-27.5	34.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	210	14.7	14.7	17.7	-2.6
Premia MSCI Vietnam ETF	11	0.0	0.0	-4.1	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**933**	-5.8	-39.6	-105.5	-241.9
DCVFMVN Diamond ETF	553	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	285	-5.0	-16.7	-49.0	-94.9
SSIAM VNFIN LEAD ETF	55	-0.8	-23.0	-54.9	-145.4
MAFN VN30 ETF	24	0.0	0.0	-0.1	-1.5
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.1	-1.1	-2.4
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.0	-0.6	2.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	4,960	-3,356	-3,356
Ấn độ	-225	-3,568	-4,665	-3,307
Indonesia	-87	-583	-1,723	-37
Nhật Bản*	1,594	7,592	27,400	37,805
Maylaysia	117	594	307	120
Philippines	-9	-36	-448	-285
Hàn Quốc	152	1,393	3,187	15,376
Sri Lanka	0	-1	-1	-26
Đài Loan	1,619	6,188	1,359	6,089
Thái Lan	-111	-112	-4	-1,938
Việt Nam	-96	-289	-419	-820

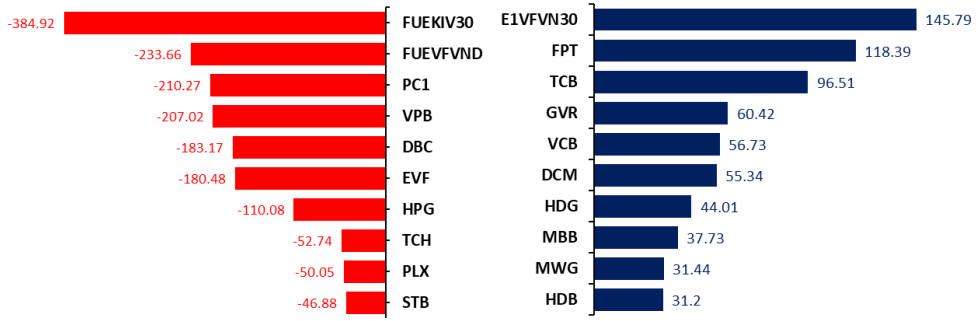
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

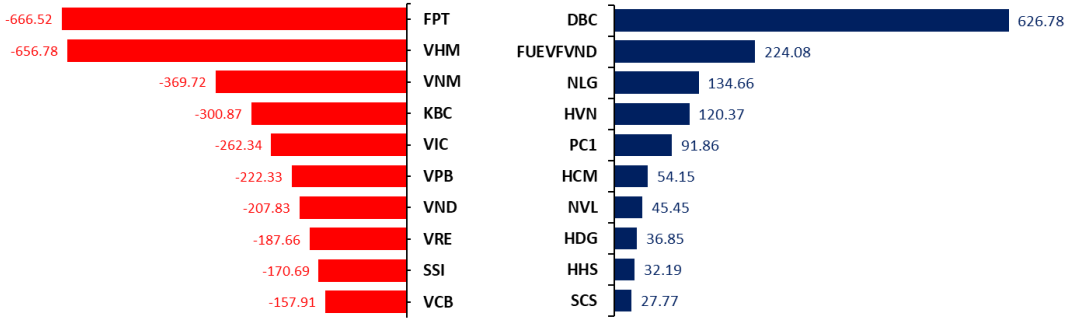
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-46	-1,008	995	13
Tài nguyên Cơ bản	-113	-18	30	-13
Truyền thông	0	-1	6	-5
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59	-69	217	-148
Y tế	0	-35	36	-1
Hóa chất	116	-41	28	13
Dịch vụ tài chính	-641	-245	323	-78
Du lịch và Giải trí	18	93	-71	-22
Ngân hàng	-29	-628	633	-5
Xây dựng và Vật liệu	-243	4	170	-174
Thực phẩm và đồ uống	-139	182	-150	-32
Bán lẻ	25	-99	-125	224
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1	-80	133	-53
Hàng cá nhân & Gia dụng	12	-10	28	-18
Công nghệ Thông tin	120	-362	548	-186
Ô tô và phụ tùng	-55	21	32	-54
Bảo hiểm	-24	-3	21	-19
Dầu khí	-58	-41	86	-44
Tổng	-997	-2,340	2,941	-601

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SPM	Y tế	10.20 - 15.10	10.9	-12.1%
2	BMC	Tài nguyên Cơ bản	12.65 - 22.20	16.4	-9.9%
3	SSC	Thực phẩm và đồ uống	28.00 - 36.70	32.8	-8.9%
4	TMT	Ô tô và phụ tùng	10.00 - 26.40	10.0	-8.7%
5	VND	Dịch vụ tài chính	15.80 - 25.60	20.1	-8.4%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
28.9%	45.8	23.00 - 47.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PAC
20.3%	20.7	15.10 - 21.45	Bảo hiểm	MIG
17.3%	12.6	9.00 - 14.09	Thực phẩm và đồ uống	LSS
16.6%	5.3	3.66 - 6.54	Hóa chất	PLP
15.1%	12.6	37.50 - 53.50	Hàng cá nhân & Gia dụng	TCM

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	ATS	Du lịch và Giải trí	7.60 - 19.80	11.2	-18.8%
2	BXH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.40 - 26.60	21.6	-18.8%
3	FID	Bất động sản	1.70 - 4.00	2.0	-16.7%
4	TKG	Tài nguyên Cơ bản	4.90 - 16.50	4.9	-15.5%
5	ALT	Truyền thông	12.30 - 21.00	13.7	-13.8%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
56.7%	9.4	3.70 - 16.30	Bất động sản	API
46.3%	62.6	33.00 - 65.00	Xây dựng và Vật liệu	NTP
27.5%	6.5	2.90 - 7.50	Bất động sản	AAV
22.9%	4.3	1.60 - 4.90	Tài nguyên Cơ bản	KSQ
21.9%	36.2	25.00 - 42.00	Xây dựng và Vật liệu	CSC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	TTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	30.00 - 182.00	94.5	-36.7%
2	XDH	Bất động sản	13.00 - 32.30	17.4	-27.5%
3	MGR	Bất động sản	4.10 - 9.50	4.1	-26.8%
4	D17	Tài nguyên Cơ bản	30.80 - 107.80	36.8	-26.3%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	23.50 - 51.00	23.5	-24.2%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
41.9%	19.3	11.00 - 19.30	Bất động sản	C21
34.1%	11.8	7.40 - 11.80	Xây dựng và Vật liệu	S74
33.0%	11.7	6.40 - 16.40	Hàng cá nhân & Gia dụng	GTD
32.7%	14.2	10.00 - 16.30	Thực phẩm và đồ uống	MLS
32.5%	11.0	3.60 - 12.50	Xây dựng và Vật liệu	ALV

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 stocks having significant liquidity change compared to previous week

No	Tickers	Company name	Sector	Trading value		Performance		
				Daliy Avg (VND mn)	%1W	Price (VND thousand)	52W -Range	%1W
1	BMI	Quy Nhon Port JSC	Insurance	16,213.6	1,110.9	26.0	20.05 - 27.00	10.2
2	LSS	Lam Son Sugar	Food & Beverage	20,846.7	357.1	12.6	9.00 - 14.09	17.3
3	MIG	Military Insurance	Insurance	14,587.9	348.2	20.7	15.10 - 21.45	20.3
4	CSM	The Southern Rubber Industry	Automobiles & Parts	2,113.9	280.2	16.4	11.70 - 17.90	7.2
5	BVH	Bao Viet Group	Insurance	40,532.5	274.4	44.6	38.20 - 48.40	9.2
6	PC1	PC1 Group	Construction & Materials	180,722.6	231.4	28.4	19.74 - 31.15	2.5
7	DXS	Dat Xanh Real Estate Services	Real Estate	29,999.4	224.0	7.7	5.41 - 9.83	5.2
8	BCM	Becamex IDC Corp.	Real Estate	80,062.4	189.8	61.5	50.40 - 83.00	4.6
9	EIB	Eximbank	Banks	190,963.9	173.8	17.9	16.25 - 22.37	0.8
10	CAV	Vietnam Electric Cable	Industrial Goods & Services	1,399.8	171.3	69.0	53.90 - 80.90	-4.8

Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Statistics for tickers with market capitalization over VND 2,000 billion

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

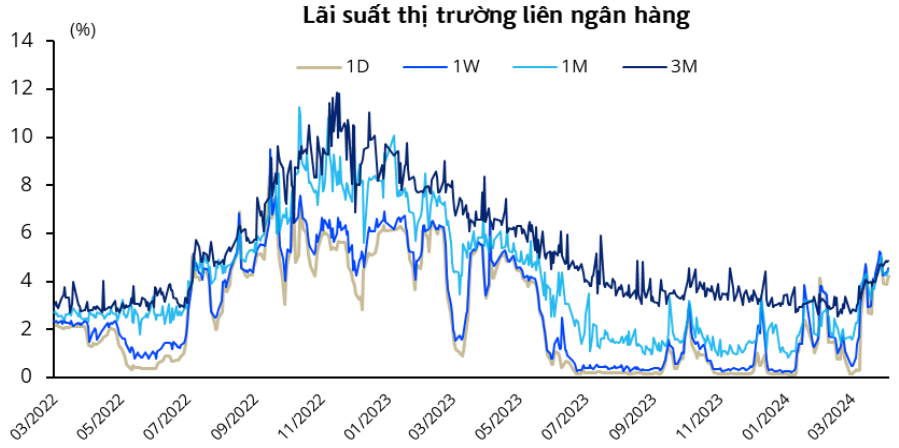
Tỷ giá

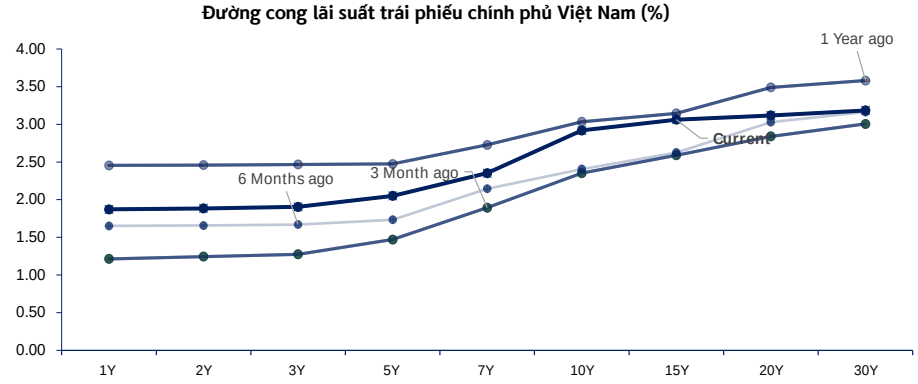
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	104.94	0.5	-0.9	1.0	3.6	
VND/USD	25,474	0.1	0.2	3.3	5.0	
KRW/USD	1,369.45	1.1	0.0	2.9	6.3	
JPY/USD	156.99	0.9	1.1	4.2	11.3	
EUR/USD	0.92	0.4	-1.2	0.2	1.9	
SGD/USD	1.35	0.4	-0.8	0.5	2.3	
CNY/USD	7.24	0.3	0.0	0.6	2.0	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	76.24	-4.8	-7.9	-0.3	6.4	
Xăng	245.56	-4.6	-10.2	7.9	16.8	
Gas	2.69	2.6	63.0	68.1	7.2	
Than	142.75	-0.5	10.0	19.6	-2.5	
Vàng	2,338.84	-3.2	1.0	15.1	13.4	
Bạc	30.53	-3.1	12.4	35.6	28.3	
Platinum	1,024.15	-5.6	13.1	16.3	3.3	
Quặng sắt	117.53	0.6	8.1	-7.3	-13.8	
Thép cán	3,861.00	1.8	0.8	-3.9	-5.3	
Lúa mì	695.50	6.8	17.0	21.3	10.7	
Ngô	464.50	2.7	6.1	16.2	-1.4	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam





TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.87	1.88	1.90	2.05	2.35	2.92	3.06	2.59	2.63
Thay đổi (BPS)*	4.80	4.80	4.80	3.90	8.40	17.50	10.40	7.50	6.60

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.